

Bản án số: 10/2019/HN-ST

Ngày: 11-3-2019

“*V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Ty
2. Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 497/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị L, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: khóm 2, thị trấn L, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh Dương Văn T, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: ấp An Lợi, xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị L có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Thạch Thị L trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Dương Văn T do quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 18/11/2010. Thời gian đầu vợ chồng sống có hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau nên cả hai không còn sống chung khoảng 02 năm nay. Trong thời gian này, vợ chồng cũng không có gặp gỡ, không có ý muốn sống chung. Xét thấy khả năng đoàn tụ là không có nên chị xin ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Có một con tên Dương Thị T, sinh ngày 20/01/2011. Khi làm đơn xin ly hôn, chị có yêu cầu xin trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp

dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị L tự nguyện xin rút yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn là anh Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành tốt sự triệu tập của Tòa, bị đơn vắng mặt không lý do.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thạch Thị L; con chung Dương Thị T, sinh ngày 20/01/2011, khi ly hôn giao con cho chị L trực tiếp nuôi, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị ghi nhận. Tài sản chung: Chị L trình bày không có và không cầu đề nghị không giải quyết. Nợ chung: Chị L trình bày không có đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Thạch Thị L, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*”; Trong đó xác định chị Thạch Thị L là nguyên đơn, anh Dương Văn T là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Dương Văn T đã được triệu tập họp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có đơn xin vắng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Thạch Thị L, thấy rằng:

Do trong quá trình sống chung, phát sinh nhiều mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng không có hướng khắc phục, đã không còn sống chung từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay, chị L cho rằng không thể hàn gắn, đoàn tụ nên xin ly hôn.

Khi thực hiện xác minh, chính quyền địa phương cho biết thông tin: Địa phương không tiếp nhận bất kỳ thông tin về việc chị L, anh T gửi đơn đề nghị hòa giải. Qua thông tin biết được, chị L và anh T có một con chung và hiện nay đang sống với mẹ. Chị L và anh T không còn sống chung khoảng 02 năm nay.

Đồng thời, khi thực hiện xác minh đối với bà Trần Thị Ô là mẹ ruột của anh T cho biết được thông tin: Hôn nhân giữa chị L và anh T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, anh chị bỏ mặc nhau, không quan tâm lẫn nhau và gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Bà có trao đổi với anh T thì anh T cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T thực tế đã diễn ra và đã đến mức trầm trọng, cả hai không còn sống chung một thời gian dài nhưng không có ý muốn đoàn tụ mà bỏ mặc cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm, dẫn đến việc chị L xin ly hôn. Xét việc hàn gắn đoàn tụ là không thể, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: có một con chung tên Dương Thị T, sinh ngày 20/01/2011, khi ly hôn chị L xin trực tiếp nuôi con. Thấy rằng: Qua quá trình xác minh từ mẹ của anh T cho biết thông tin anh T đồng ý để con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay cháu Trâm đang sống chung với mẹ, cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ nên để chị L trực tiếp nuôi con là phù hợp. Tại phiên tòa, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên chấp nhận.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ. Điều này phù hợp với Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị L không yêu cầu, anh T vắng mặt không có lời trình bày nên không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị L trình bày không có, anh T vắng mặt không có lời trình bày nên không xem xét.

Các bên không còn yêu cầu nào khác nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự đối với yêu cầu xin ly hôn, chị L chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thạch Thị L.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Thạch Thị L được ly hôn với anh Dương Văn T.

2. Về con chung: Dương Thị T, sinh ngày 20/01/2011. Sau khi ly hôn, chị Thạch Thị L trực tiếp nuôi. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị L không yêu cầu, anh T vắng mặt không có lời trình bày nên không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị L trình bày không có, anh T vắng mặt không có lời trình bày nên không xem xét.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch (đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Thạch Thị L phải chịu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021822 ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS h. Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đỗ Thúy Hằng